TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11/02/2026
Về việc "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà A.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông K.
Bà N.

- Thư ký phiên toà: Bà T– Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà L- Kiểm sát viên.

Ngày 11/02/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số số 46/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thân T**, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Thôn T, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội.
Căn cước công dân số: x cấp ngày 08/5/2021.
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Thôn T, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội.
Căn cước công dân số: x cấp ngày 25/7/2021.

Tại phiên toà có mặt chị T, vắng mặt anh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Thân T, trình bày :

Chị Thân T và anh Nguyễn Văn K được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 11/9/2001 tại UBND xã TT, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng ngoại tình về đòi bán đất nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2011 cũng xuất phát từ việc chồng ngoại tình đánh chị nên chị và các con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống khoảng ba năm, đến năm 2013, sau nhiều lần bố mẹ chồng lên đón mẹ con chị về và cho đất cháu nội nên chị T đưa các con về để xây nhà cho các con có chỗ ở ổn định còn vợ chồng không ngủ chung, không sinh hoạt chung, không có kinh tế chung, tiền ai người đó tiêu, không ai quan tâm đến ai trong suốt mấy chục năm đến nay. Trong suốt thời gian đó, anh K vẫn liên tục ngoại tình. Nay, chị T đã hết tình cảm với anh K và không còn có cách nào khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể

kéo dài nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị T và anh K có hai con chung là Nguyễn ĐC, sinh ngày 21/11/2002 và Nguyễn Thùy TD, sinh ngày 07/4/2007. Hiện nay, cả hai con đều đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, nhà đất, công sức, công nợ của vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T không trình bày gì thêm.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn K: Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Văn K nhiều lần nhưng anh K không đến Toà án làm việc và không cung cấp ý kiến, quan điểm cho Toà án.

Bố mẹ chị T là ông Thân M và bà Nguyễn T có đơn trình bày xác định Chị T và anh K kết hôn từ năm 2001, quá trình chung sống, vợ chồng chị T thường xuyên cãi nhau, đỉnh điểm là năm 2011 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống khoảng 3 năm do anh K ngoại tình dẫn đến vợ chồng cãi nhau, sau đó chị T có đưa các con trở lại sống chung nhà với anh K nhưng vẫn thường xuyên cãi nhau khiến gia đình hai bên hòa giải nhiều lần không thành. Nay chị T xin ly hôn với anh K, ông Mỹ, bà Thơi đề nghị tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn.

Bố mẹ anh Nguyễn Văn K là ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T1 có đơn trình bày xác định chị T và anh K kết hôn từ năm 2001, chung sống được mấy năm đầu hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau và chị T cũng về nhà bố mẹ đẻ ở 03 năm, sau đó, ông bà có đến đón mẹ con chị T về để cho các cháu có chỗ ăn ở, học tập đàng hoàng nhưng vợ chồng anh K vẫn thường xuyên cãi nhau khiến bố mẹ hai bên hòa giải nhiều lần không được, nay chị T xin ly hôn, ông Q và bà T1 đề nghị Toà án giải quyết cho chị T được ly hôn.

Con gái anh Nguyễn Văn K và chị Thân T là chị Nguyễn TD có lời khai xác định trong thời gian chung sống, anh K và chị T thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, hiện nay, chị vẫn sống chung nhà cùng bố mẹ. Toà án đã xác minh với ông S là trưởng thôn nơi vợ chồng chị T sinh sống xác định: anh Nguyễn Văn K hiện đang sinh sống cùng vợ, con tại Thôn T, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội, về mâu thuẫn giữa anh K và chị T như phía gia đình trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Toà án xét xử :

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thân T.

- Chị Thân T được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Chị T và anh K có 02 con chung là Nguyễn ĐC, sinh ngày 21/11/2002 và Nguyễn Thùy TD, sinh ngày 07/4/2007. Hiện nay, cả hai con đều đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên không giải quyết.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về án phí: Chị Thân T phải nộp tiền án phí không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Thân T yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn K có Hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại: Thôn T, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội. Như vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị Quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân.

Về thủ tục xét xử và tranh tụng tại phiên toà: Ngày 06/02/2026, bị đơn là anh K vắng mặt nên Toà án đã hoãn phiên toà, tại phiên toà hôm nay, anh K vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, dành quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung :

[2.1] Về quan hệ pháp luật :

Qua lời khai của chị T: Chị Thân T và anh Nguyễn Văn K được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 11/9/2001 tại UBND xã TT, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng ngoại tình về đòi bán đất nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2011 cũng xuất phát từ việc chồng ngoại tình đánh chị nên chị và các con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống khoảng ba năm, đến năm 2013, sau nhiều lần bố mẹ chồng lên đón mẹ con chị về và cho đất cháu nội nên chị T đưa các con về để xây nhà cho các con có chỗ ở ổn định còn vợ chồng không ngủ chung, không sinh hoạt chung, không có kinh tế chung, tiền ai người đó tiêu, không ai quan tâm đến ai trong suốt mấy chục năm đến nay. Trong suốt thời gian đó, anh K vẫn liên tục ngoại tình. Nay, tôi đã hết tình cảm với anh K và không còn có cách nào khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Chị T và anh K có hai con chung là Nguyễn ĐC, sinh ngày 21/11/2002 và Nguyễn Thùy TD, sinh ngày 07/4/2007. Hiện nay, cả hai con đều đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, nhà đất, công sức, công nợ của vợ chồng: Chị T

không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn TD là con gái anh K và chị T xác định trong thời gian chung sống, bố mẹ chị thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống.

Bố mẹ chị T, bố mẹ anh K đều có lời khai xác định trong thời gian chung sống, chị T và anh K thường xuyên cãi nhau, năm 2011, chị T từng đưa các con về nhà bố mẹ đẻ sống ba năm, mặc dù sau đó chị T đã đưa các con về sống chung nhà với anh K nhưng vẫn thường xuyên mâu thuẫn cai nhau và đề nghị Toà án giải quyết cho chị T được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh K đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến toà án để trình bày quan điểm về việc chị T xin ly hôn nhưng anh K không đến làm việc, không có quan điểm, điều đó cho thấy anh K cũng không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng, không coi trọng giữ gìn cuộc hôn nhân với chị T.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định hôn nhân của chị Thân T và anh Nguyễn Văn K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thân T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh K có hai con chung là Nguyễn ĐC, sinh ngày 21/11/2002 và Nguyễn Thùy TD, sinh ngày 07/4/2007. Hiện nay, cả hai con đều đã thành niên (đủ 18 tuổi), chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không xem xét.

Về tài sản chung, riêng, nhà đất, công sức, công nợ của vợ chồng: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh K không có quan điểm về vấn đề tài sản chung vợ chồng. Do đó, Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm, quyền kháng cáo: Chị T chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Khoản 4 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị Quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thân T với anh Nguyễn Văn K.

[2] Về con chung: Chị Thân T và anh Nguyễn Văn K có hai con chung là Nguyễn ĐC, sinh ngày 21/11/2002 và Nguyễn Thùy TD, sinh ngày 07/4/2007. Hiện nay, cả hai con đều đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên Toà án không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Thân T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn

đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số x ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội

Án xử công khai sơ thẩm, chị Thân T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- TAND thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- UBND xã Đ, thành phố Hà Nội (GCN kết hôn số xx ngày 11/9/2001 của UBND xã TT);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

A